

## HƯỚNG DẪN

**Thực hiện thu học phí và chính sách hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập năm học 2023 – 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh**

Căn cứ Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu học phí và chính sách hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập năm học 2023 – 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (*gọi tắt là Nghị quyết số 16*);

Thực hiện Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu học phí và chính sách hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (*gọi tắt là Quyết định số 2151*).

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số nội dung như sau:

1. Về mức thu học phí:

1.1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên

a) Mức thu học phí năm học 2023-2024 được quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 2151

*ĐVT: đồng/học sinh/tháng*

Cấp học	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn	Khu vực miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo
Mầm non	300.000	100.000	50.000
Tiểu học	300.000	100.000	50.000
Trung học cơ sở	300.000	100.000	50.000
Trung học phổ thông	300.000	200.000	100.000

b) Mức thu từ người học năm học 2023-2024 được quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 2151.

*DVT: đồng/học sinh/tháng*

<b>Cấp học</b>	<b>Khu vực thành thị</b>	<b>Khu vực nông thôn</b>	<b>Khu vực miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo</b>
Mầm non	105.000	45.000	20.000
Tiểu học			
Trung học cơ sở	60.000	30.000	15.000
Trung học phổ thông	105.000	65.000	20.000

1.2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ được quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết 16

Ngân sách tỉnh hỗ trợ phần chênh lệch giữa mức thu học phí năm học 2023 - 2024 với mức thu học phí thu từ người học và cấp bù phần chênh lệch kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và quy định của Luật Ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

*DVT: đồng/học sinh/tháng*

<b>Cấp học</b>	<b>Khu vực thành thị</b>	<b>Khu vực nông thôn</b>	<b>Khu vực miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo</b>
Mầm non	195.000	55.000	30.000
Tiểu học	300.000	100.000	50.000
Trung học cơ sở	240.000	70.000	35.000
Trung học phổ thông	195.000	135.000	80.000

1.3. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, mức học phí tối đa bằng 2 lần mức học phí quy định ở điểm a, khoản 1.1 nêu trên sau khi trừ phần ngân sách tỉnh hỗ trợ.

Ví dụ: Một học sinh A ở khu vực thành thị đang học tại Trường THPT X là đơn vị bảo đảm chi thường xuyên, mức thu học phí tối đa một tháng được tính như sau:

$$300.000 \text{ đồng} \times 2 - 195.000 \text{ đồng} = 405.000 \text{ đồng.}$$

1.4. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, mức học phí tối đa bằng 2,5 lần mức học phí quy định ở điểm a, khoản 1.1 nêu trên sau khi trừ phần ngân sách tỉnh hỗ trợ.

Ví dụ: Một học sinh A ở khu vực thành thị đang học tại Trường THPT X là đơn vị bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, mức thu học phí tối đa một tháng được tính như sau:

$$300.000 \text{ đồng} \times 2,5 - 195.000 \text{ đồng} = 555.000 \text{ đồng.}$$

1.5. Cơ sở giáo dục thường xuyên áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp trên địa bàn.

1.6. Học sinh tiểu học công lập không phải đóng học phí, mức học phí đối với giáo dục tiểu học quy định ở điểm a, khoản 1.1 nêu trên là dùng làm căn cứ

để xem xét ban hành chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc diện được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

## 2. Thu học phí:

- Thời gian thu: Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, học phí được thu tối đa 9 tháng/năm học. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, đào tạo thường xuyên và các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, học phí được thu theo số tháng thực học.

- Thời điểm thu: Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu người học tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.

- Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh, học sinh nộp học phí, cơ sở giáo dục cần triển khai đồng thời hai hình thức thu tiền mặt và chuyển khoản. Cơ sở giáo dục công bố công khai tài khoản thu học phí mở tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc nhà nước cho phụ huynh, học sinh biết để thực hiện chuyển khoản.

## 3. Về khu vực áp dụng mức học phí

- Khu vực thành thị: Bao gồm các phường thuộc thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An và thị xã Điện Bàn; các tổ dân phố thuộc thị trấn của các huyện đồng bằng.

- Khu vực nông thôn: Bao gồm các xã thuộc thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và các huyện đồng bằng; các tổ dân phố thuộc thị trấn của các huyện miền núi.

- Khu vực miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo: Bao gồm các thôn, xã miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo.

Khu vực áp dụng mức thu học phí dựa trên hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (*trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc*) của người học (*trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên GDTX*).

Trường hợp học sinh có thể căn cứ công dân và giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thông tin về nơi thường trú có thể khai thác từ việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về dân cư với các cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức liên quan thì học sinh không phải nộp giấy tờ chứng minh nơi thường trú.

## 4. Quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ (*cấp bù học phí*):

- Kinh phí cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục công lập được giao trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm cho cơ quan chủ quản theo quy định về lập, phân bổ dự toán NSNN hằng năm và phân cấp NSNN hiện hành.

- Phương thức cấp bù: Được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 16:

+ Ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch giữa mức học phí năm học 2023 - 2024 với mức thu học phí từ người học theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

+ Thông qua giao dự toán hằng năm cho các cơ sở giáo dục công lập theo định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và quy định hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Riêng đối với học kỳ I năm học 2023-2024, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm lập dự toán thu, dự toán phần chênh lệch giữa mức thu học phí năm học 2023-2024 với mức thu học phí từ người học năm học 2023-2024, trình cơ quan quản lý cấp trên (*đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo; đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thì gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo*) tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định. Cơ quan tài chính cấp huyện tham mưu UBND huyện, trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ học phí theo quy định.

- Khi phân bổ dự toán cho các cơ sở giáo dục công lập, cơ quan chủ quản ghi rõ dự toán thực hiện chính sách cấp bù học phí theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND.

- Kinh phí cấp bù học phí được quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành về chi đạo, điều hành dự toán NSNN hằng năm của cấp có thẩm quyền.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam (*Để báo cáo*);
- Ban VHXH HĐND tỉnh (*Để báo cáo*);
- Sở Tài chính, LĐT BXH (*Để phối hợp*);
- UBND huyện, thị xã, thành phố (*Để phối hợp*);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các Phòng CM thuộc Sở;
- Phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố;
- Trường THPT chuyên, THPT;
- Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**